

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ HOA PHƯỢNG

TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ
VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC
VIỆT NAM HIỆN NAY

Chuyên ngành: **Triết học**

Mã số : **62 22 03 01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - 2016

Luận án được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS. NGUYỄN VĂN HÒA**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp

Học viện, tại Học viện Khoa học Xã hội

Vào hồigiờ phút, ngày tháng năm 2016

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đối với Việt Nam hiện nay, đổi mới giáo dục đang là vấn đề được toàn Đảng, toàn dân hết sức quan tâm, coi đó là chìa khóa để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Đổi mới giáo dục không có nghĩa là chúng ta đoạn tuyệt với nền giáo dục cũ, mà trái lại trong nền giáo dục mới vẫn tiếp thu và phát huy những yếu tố tích cực của nền giáo dục trước đây. Nền giáo dục cũ của ta chịu ảnh hưởng không ít bởi tư tưởng giáo dục của Nho giáo mà người sáng lập là Khổng Tử. Mặc dù có những hạn chế nhất định nhưng trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vẫn có những hạt nhân tích cực cần tiếp tục nghiên cứu và vận dụng.

Vì vậy, chúng tôi lựa chọn vấn đề: “*Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và ý nghĩa của nó đối với đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay*” làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Phân tích một cách có hệ thống tư tưởng giáo dục Khổng Tử từ mục đích, đối tượng, đến nội dung và phương pháp giáo dục để qua đó rút ra ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích, khái quát những điều kiện và tiền đề chủ yếu cho sự hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

- Phân tích, làm rõ một số nội dung chủ yếu trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

- Bước đầu rút ra ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và thực trạng của giáo dục Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử trong *Luận ngữ* và những công trình nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Khổng Tử cũng như ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu vận dụng những quan điểm biện chứng duy vật của triết học Mác – Lênin, phương pháp lịch sử triết học kết hợp với một số phương pháp nghiên cứu khoa học khác như: diễn dịch, quy nạp; phân tích, luận giải; đối chiếu - so sánh; lôgic - lịch sử; tổng hợp, khái quát.

5. Những đóng góp của luận án

- *Thứ nhất*, trình bày khái quát các điều kiện, tiền đề và nhân tố tác động đến sự hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.
- *Thứ hai*, phân tích và trình bày một cách có hệ thống những nội dung chủ yếu trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.
- *Thứ ba*, cung cấp những cơ sở, căn cứ chủ yếu để rút ra ý nghĩa và bài học thiết thực nhằm phát huy những yếu tố tích cực, hạn chế yếu tố tiêu cực trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Từ góc độ và phương pháp tiếp cận triết học khoa học, luận án bước đầu trình bày khái quát các điều kiện và nhân tố tác động đến sự hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Phân tích và hệ thống hóa những nội dung cơ bản trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Rút ra và bước đầu phân tích ý nghĩa từ tư tưởng giáo dục của Khổng Tử đối với đổi mới giáo dục nước ta hiện nay.

6.2. *Về mặt thực tiễn*: Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo trong việc giảng dạy, nghiên cứu và học tập về tư tưởng giáo dục của Khổng Tử nói riêng, tư tưởng Nho giáo nói chung. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của luận án có thể vận dụng vào sự nghiệp đổi mới nền giáo dục nước ta hiện nay.

7. Kết cấu của luận án:

Ngoài các phần: Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương, 12 tiết.

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. Các công trình nghiên cứu về điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử

Nghiên cứu về vấn đề này, có một số công trình tiêu biểu sau:

- “*Trung Quốc triết học sử*” của Phùng Hữu Lan (1999) và “*Trung Quốc triết học sử đại cương*” của Hồ Thích (2004). Trong “*Trung Quốc triết học sử đại cương*” tác giả Hồ Thích đã trình bày sơ lược về tiểu sử của Khổng Tử và thời đại của ông với cái nhìn khách quan và đáng tin cậy. Tác phẩm “*Trung Quốc triết học sử*” của Phùng Hữu Lan đã trình bày khái lược điều kiện và tiền đề cho sự ra đời học thuyết của Khổng Tử nói chung và tư tưởng giáo dục của ông nói riêng.

- Các công trình: “*Đại cương triết học Trung Quốc*” của Nguyễn Hiến Lê (1992), “*Đại cương triết học Trung Quốc cổ đại*” của Doãn Chính (2003)... đã trình bày những nét cơ bản về đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội cho quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học Trung Quốc cổ đại, trong đó có tư tưởng giáo dục Nho giáo và tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Hai tác phẩm lớn: “*Nho giáo*” của Nguyễn Tôn Nhan (2005) và “*Nho giáo*” của Trần Trọng Kim (2012) đã nghiên cứu khá toàn diện về Nho giáo qua các thời kỳ hình thành và

phát triển, các tác giả đã đề cập nhiều vấn đề liên quan đến điều kiện và tiền đề hình thành tư tưởng giáo dục Khổng Tử.

Nghiên cứu về Khổng Tử và những nhân tố chủ quan cho sự ra đời tư tưởng giáo dục của Khổng Tử có một số công trình tiêu biểu sau:

- Khương Lâm Tường và Lý Cảnh Minh trong tác phẩm “*Khổng Tử gia giáo*” (1999) đã đề cập nhiều vấn đề liên quan đến con người của Khổng Tử. Tác phẩm “*Bách gia chư tử giản thuật*” của Phạm Quỳnh (1999) đã phác họa chân dung của Khổng Tử với khuôn dáng của một “bậc thầy ở góc độ vì con người”.

- Công trình: “*Khổng Phu Tử và luận ngữ*” của Phạm Văn Khoái (2004) đã đưa ra những nhận định mới về giá trị của *Luận ngữ* đối với đời sống xã hội hiện nay. “*Khổng Tử*” của Nguyễn Hiến Lê (2006) cũng đã trình bày khá rõ nét về đời sống, con người, môn sinh và tư tưởng của Khổng Tử.

Trên cơ sở tham khảo và kế thừa những kết quả nghiên cứu từ các công trình trên, tác giả luận án sẽ tiếp tục làm rõ những vấn đề sau:

Thứ nhất, phân tích một cách khái quát những điều kiện kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến sự hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

Thứ hai, phân tích và khái quát những tiền đề tư tưởng và vai trò của nó đối với sự hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

Thứ ba, phân tích và làm rõ nhân tố chủ quan của Khổng Tử trong quá trình hình thành tư tưởng giáo dục của ông.

1.2. Các công trình nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Khổng Tử

- Ở Trung Quốc, từ sau cải cách, mở cửa (1978) sách viết về Khổng Tử và tư tưởng của ông đã được chú giải, xuất bản và dịch ra nhiều thứ tiếng. Nổi bật là *Tứ thư: Đại học, Trung dung, Luận ngữ và Mạnh Tử*. Hiện nay, bốn quyển sách kinh điển này được dịch ra tiếng Việt bởi nhiều dịch giả như: Đoàn Trung Còn, Nguyễn Hiến Lê, Lê Phục Thiện, Phan Văn Các, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Đức Lân .v.v..

- “*Mười lăm nhà tư tưởng giáo dục lớn*” của Joy A. Palmer (2003) đã trình bày khái lược về nội dung, mục đích giáo dục của Khổng Tử và những ảnh hưởng của nó đối với giáo dục ngày nay. “*Giảng dạy Nho giáo*” của Jeffrey. L. Rickey (2008) đã khẳng định sức sống và những nội dung giáo dục cơ bản của Nho giáo và Khổng Tử.

- “*Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử*” của Trần Cảnh Bàn (2008) đã trình bày khá rõ nét và có những nhận định mới mẻ tư tưởng giáo dục của Khổng Tử về Lễ, Nhân, Dũng. “*Tri tuệ Khổng Tử*” (2009) được dịch từ tác phẩm nổi tiếng bằng tiếng Anh “*The Wisdom of Confucius*” của Lâm Ngữ Đường đã trình bày một số nội dung cơ bản trong tư tưởng giáo dục Khổng Tử đồng thời khẳng định những giá trị trường tồn trong học thuyết của ông.

- Phan Bội Châu trong tác phẩm “*Khổng học đấng*” (1998) đã bàn nhiều vấn đề như: “lí luận và sự thực thuộc về chữ “học” của đức Khổng Tử”, về chữ “chí”, chữ “nhân”, về “lối chính giáo của Khổng học”. “*Luận ngữ với người quân tử hiện đại*” của Trần Tiến Khôi (2008) đã đưa ra những ý kiến mới khi xác định những vấn đề cần nắm vững sau khi đọc *Luận ngữ* và 13 phẩm chất cần có của người quân tử hiện đại. “*Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*” của Phạm Minh Hạc (2013) đã trình bày triết lý giáo dục của Việt Nam và một số nhà giáo dục tiêu biểu trên thế giới. Tác giả đã dành nguyên chương thứ 3 để viết về Khổng Tử và triết lý giáo dục của Khổng Tử.

Ngoài ra, còn có một số bài viết trên các tạp chí nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

1.3. Các công trình nghiên cứu về tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay

1.3.1. Các công trình nghiên cứu về những yêu cầu của đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

- “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*” (2011) đã trình bày những chỉ đạo cơ bản về “đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo” của Đảng ta trong thời kỳ mới. “*Văn kiện Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*” (2013) đã cụ thể hóa những nội dung cơ bản của đổi mới giáo dục Việt Nam trong giai đoạn hiện nay với những quan điểm chỉ đạo và định hướng rõ ràng từ mục tiêu tổng quát đến mục tiêu cụ thể. Trong “*Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*” (2016) Đảng ta tiếp tục đưa ra những chỉ đạo mới về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Ngoài ra, còn nhiều công trình nghiên cứu liên quan đến sự phát triển giáo dục Việt Nam hiện nay... được đăng tải trên các tạp chí, sách báo.

1.3.2. Các công trình nghiên cứu về tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

- “*Khổng Tử quốc học viện*” của Thường Hoa (2007) đã khẳng định ý nghĩa của tư tưởng Khổng Tử đối với văn hóa, giáo dục Trung Quốc hiện đại. “*Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và sự phát triển giáo dục hiện đại*” (2008) của tác giả Dương Trụ đã khẳng định vai trò và ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với cải cách giáo dục, phát triển chất lượng giáo dục, giáo dục suốt đời, giáo dục hài hòa ở Trung Quốc hiện nay.

- “*Ý nghĩa nhân bản của tư tưởng giáo dục đạo đức Khổng Tử*” của Tổng Lê Quyên (2010) đã khẳng định văn hóa truyền thống Trung Quốc giàu tính nhân bản, đặc biệt là tư tưởng giáo dục đạo đức của Khổng Tử. Tác phẩm “*Khu vực Đông Á: Di sản Nho giáo và sự thích ứng hiện đại*” (1991) của Gilbert Rozman đã trình bày những nét cơ bản về những giá trị trong học thuyết của Khổng Tử ở Trung Quốc, Triều Tiên và Nhật Bản. Tác phẩm “*Những tư tưởng gia vĩ đại phương Đông*” (2005) của Ian P. McGreal đã trình bày những nội dung cơ bản của các nhà tư tưởng nổi tiếng ở Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên...

Chúng tôi tham khảo các công trình này trong sự đối sánh với giáo dục Việt Nam để rút ra bài học vận dụng từ những hạt nhân hợp lý trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

Ngoài ra, còn nhiều công trình, bài viết khác, tuy nhiên hầu hết mới chỉ dừng lại ở việc nêu lên ý kiến hay nhận định chung mà chưa đề xuất phương hướng vận dụng những giá trị tích cực và khắc phục những hạn chế trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử.

Kết luận chương 1

Cho đến nay, trên thế giới và ở Việt Nam đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Các công trình nghiên cứu trên đã đạt được những kết quả nhất định về việc phân tích những điều kiện và tiền đề hình thành học thuyết, tư tưởng giáo dục và ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với giáo dục hiện nay.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khía cạnh, nhiều nội dung cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn, vì thế việc nghiên cứu về “tư tưởng giáo dục của Khổng Tử và ý nghĩa của nó đối với đổi mới giáo dục ở Việt Nam” hiện nay vẫn là đề tài cần được tiếp tục được quan tâm.

Chương 2

ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ

2.1. Điều kiện kinh tế - xã hội

Khổng Tử sống vào thời Xuân Thu (722 - 481 tr.CN). Đây là thời kỳ xã hội Trung Quốc có những có những biến động lớn: chế độ “tông pháp” nhà Chu đang suy tàn, chế độ phong kiến sơ kỳ đang dần hình thành. Sự giao thời giữa hai chế độ đã gây nên sự đảo lộn căn bản về kinh tế, chính trị và trật tự lễ nghĩa, đạo đức luân lý trong xã hội.

Điều kiện lịch sử xã hội đầy biến động này đã đặt ra cho nhà cầm quyền và các nhà tư tưởng phải tìm những phương pháp để “trị nước, an dân”. Với Khổng Tử, ông chủ trương đề cao việc giáo dục, giáo

hóa, kiến tạo và bồi dưỡng đạo đức cho con người, mong muốn đưa con người về với “chính đạo” để khôi phục lại kỷ cương, trật tự xã hội, xây dựng một xã hội thật sự ổn định và phát triển.

2.2. Những tiền đề tư tưởng

Tư tưởng triết học Trung Quốc cổ đại có từ thời tiền sử nhưng chỉ được phát triển mạnh mẽ từ đời nhà Chu (1134 – 247 TCN). Là người hiểu cổ nên Khổng Tử rất coi trọng việc gìn giữ và lưu truyền văn hóa truyền thống, đặc biệt là văn hóa, đạo đức, nghi lễ do Chu Công tạo dựng. Ông đã sớm ý thức được ý nghĩa và vai trò của giáo dục. Điều này đã chi phối nội dung giáo dục và thực tiễn dạy học của Khổng Tử.

2.3. Nhân tố chủ quan hình thành tư tưởng giáo dục của Khổng Tử

Khổng Tử (孔子) (551 - 479 tr.CN), tên Khâu (丘), tự là Trọng Ni (仲尼). Ông sinh ra vào cuối thời Xuân Thu, tại ấp Trâu, làng Xương Bình, nước Lỗ trong một gia đình nghèo thuộc dòng quý tộc sa sút từ nước Tống. Tuy nhà nghèo nhưng cha làm quan nên lúc còn nhỏ ông cũng được học trong một trường công (quan học). Vốn là người thông minh, học rộng, biết nhiều, nên ông được nhiều học trò xin theo học.

Trong bối cảnh loạn lạc của thời Xuân Thu, để không bị cuốn hút vào chiến tranh làm cho xã hội trở nên vô đạo, Khổng Tử đã chủ trương giáo hóa cho dân, dùng giáo dục để cảm hóa, thu phục mọi người, hướng đến xây dựng một xã hội thái bình, một xã hội có đạo.

Trên thực tế, Khổng Tử cũng có những lúc ra làm quan nhưng nổi bật nhất, ông là nhà giáo dục. Ông coi giáo dục là điều kiện tiên quyết để thực hiện đường lối “đức trị” đồng thời đặc biệt chú ý giáo dục đạo đức cho học trò để truyền bá tư tưởng của mình.

Kết luận chương 2

Trung Quốc thời *Xuân Thu* với những biến đổi sâu sắc về điều kiện kinh tế - xã hội đã tác động đến sự hình thành học thuyết của Khổng Tử và tư tưởng giáo dục của ông. Sống trong xã hội loạn lạc,

vô đạo của xã hội đương thời đã làm cho Khổng Tử sớm nhận thức và tìm ra con đường cải tạo xã hội bằng giáo dục. Do được thụ hưởng một nền giáo dục quan học, một nền văn hóa truyền thống mà đặc biệt là văn hóa, đạo đức, nghi lễ do Chu Công tạo dựng, với bản tính thông minh, hiếu học, uyên bác, tài năng và đức độ nên Khổng Tử đã thấy rõ vai trò và sức mạnh của giáo dục. Ông là người đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc mở đầu cho giai đoạn tư học và để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cùng hệ thống tư tưởng giáo dục phong phú cho đời sau.

Chương 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHỦ YẾU TRONG TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA KHỔNG TỬ

3.1. Quan niệm của Khổng Tử về mục đích giáo dục

Mục đích giáo dục trước hết của Khổng Tử là đào tạo con người có đạo để xây dựng một xã hội có đạo. Với mục đích xây dựng xã hội thái bình, thịnh trị bằng đường lối “đức trị” nên Khổng Tử rất chú trọng giáo dục đạo đức cho người học. Ông luôn hướng đến đào tạo những người có đức có tài ở mọi thành phần xuất thân, thông qua việc học tập, tu thân để hành đạo.

3.2. Quan niệm của Khổng Tử về đối tượng giáo dục

Đối tượng giáo dục của Khổng Tử rất đa dạng, được mở rộng so với xã hội trước thời của ông. Ông chủ trương “hữu giáo vô loại” hướng tới giáo dục cho tất cả mọi hạng người trong xã hội. Tuy nhiên, đứng trên lập trường của giai cấp thống trị, Khổng Tử cho rằng, người quân tử được giáo dục để làm người cai trị còn kẻ tiểu nhân được giáo dục để biết tuân lệnh người cai trị và trong quan niệm của Khổng Tử có sự phân biệt đẳng cấp hết sức rõ ràng: bậc thượng trí, kẻ hạ ngu; quân tử, tiểu nhân; quá coi trọng giáo dục dành cho người quân tử, không quan tâm đến đối tượng giáo dục là phụ nữ... đó là những hạn chế lớn trong quan niệm và thực tiễn dạy học của Khổng Tử.

3.3. Quan niệm của Khổng Tử về nội dung giáo dục

3.3.1. Tài liệu giáo dục của Khổng Tử

Tài liệu giáo dục chủ yếu của Khổng Tử là Lục Kinh, bao gồm: *Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Xuân Thu.*

3.3.2. Một số nội dung giáo dục cơ bản của Khổng Tử

3.3.2.1. Giáo dục về đạo đức

Khổng Tử muốn cai trị xã hội bằng đường lối “đức trị” nên nội dung giáo dục đạo đức cho người học được ông đặc biệt coi trọng. Trong đó nội dung cơ bản được ông đề cập nhiều nhất là chữ Nhân. Nhân là phạm trù trung tâm trong nội dung giáo dục đạo đức của Khổng Tử, là bậc thang giá trị cao nhất trong thang bậc đạo đức con người. Các phẩm chất khác như: Trí, Dũng, Trung, Hiếu... cũng được Khổng Tử chú ý tới, song ông quan niệm chúng chỉ là những bộ phận của đức Nhân.

Trong tư tưởng của Khổng Tử, Nhân và Lễ gắn bó chặt chẽ với nhau. Lễ trong quan niệm của Khổng Tử không phải là một tiêu chuẩn đạo đức hoàn toàn độc lập mà luôn gắn liền với Nhân. Theo ông, con người cần có Lễ để làm quy tắc, chuẩn mực để phân định giới hạn tiết chế lòng dục, sửa trị bản thân, với mỗi cá nhân, nhờ Lễ “thân mới chính”, dựa vào Lễ mà sửa mình. Vì vậy mà bên cạnh đức Nhân, Khổng Tử thường chú ý dạy nội dung Lễ và cách hành Lễ cho người học. Để giữ Lễ, Khổng Tử đã xây dựng thuyết Chính danh. Xuất phát từ thực trạng xã hội rối ren, hỗn loạn, trật tự lễ nghĩa bị đảo lộn nên Khổng Tử đã đề ra thuyết Chính danh để lập lại trật tự kỷ cương xã hội: trên cho ra trên, dưới cho ra dưới; vua cho ra vua, tôi cho ra tôi.

Trong phạm vi gia đình, chữ Hiếu được Khổng Tử đánh giá cao, ông coi Hiếu là gốc cơ bản của con người. Trong nội dung giáo dục đạo đức cho học trò, Khổng Tử còn dạy những chuẩn mực: Trí, Dũng, Trung, Tín... Khổng Tử chủ trương gắn kết Nhân với các phạm trù đạo đức khác để làm thành một hệ thống triết lý nhất quán, chặt chẽ.

3.3.2.2. Giáo dục về kiến thức

Những kiến thức Khổng Tử dạy cho người học mặc dù còn hạn hẹp nhưng khá thiết thực, phù hợp với thực tiễn xã hội thời bấy giờ. Bên cạnh nội dung giáo dục về đạo đức, kiến thức chính trị, Khổng Tử còn chú trọng giáo dục “lục nghệ”. Ngoài Lễ, Nhạc, còn có Xạ (tập bắn cung), Ngự (cưỡi ngựa, đánh xe), Thư (viết chữ), Số (tính toán). Tuy nhiên, ông thiếu quan tâm giáo dục kiến thức về tự nhiên, khoa học kỹ thuật, lao động sản xuất. Nội dung giáo dục của Khổng Tử chưa có sự cân đối giữa dạy chữ và dạy người, giữa kiến thức xã hội và kiến thức tự nhiên, giữa lý luận và thực tiễn.

3.4. Quan niệm của Khổng Tử về phương pháp giáo dục

3.4.1. Về phương pháp dạy học

3.4.1.1. Phương pháp nêu gương

Khổng Tử sử dụng phương pháp nêu gương như là một công cụ giáo hóa tích cực nhất. Ông thường lấy gương người xưa làm “thông giám”, lấy nhân cách của các bậc thánh hiền các bậc tiên vương, tiên thánh như Đường Nghiêu, Ngu Thuấn, Văn Vương, Chu Công... để giáo dục học trò. Việc sử dụng phương pháp này làm cho lời giảng dạy của ông có cơ sở và có sức thuyết phục cao. Bản thân Khổng Tử là tấm gương sáng cho học trò noi theo.

Khổng Tử chú ý nhiều đến giáo dục đạo đức cho học trò mà phương pháp nêu gương là một yêu cầu, một cách thức giáo dục đạo đức phù hợp. Tuy nhiên, khi thầy nêu gương thì trò noi theo; mà noi theo, làm theo thì sẽ thiếu tính sáng tạo. Với phương pháp nêu gương, người thầy dường như chiếm vị trí trung tâm, vai trò chủ động, sáng tạo của người học trở nên mờ nhạt. Do quá chú ý đến phương pháp này nên Khổng Tử chưa thật chú trọng lấy người học làm trung tâm, chưa chú ý phát huy năng lực người học.

3.4.1.2. Phương pháp thuyết giảng

Xuyên suốt *Luận ngữ* hầu như thiên nào cũng thấy Khổng Tử thuyết giảng cho học trò. Rất nhiều câu được bắt đầu bằng: “Khổng

Từ nói rằng...” Học trò của Khổng Tử rất tôn trọng và lắng nghe lời thầy dạy, luôn bị thuyết phục bởi cách giảng giải và kiến thức uyên bác của ông. Hễ gặp khó khăn hay không hiểu về vấn đề gì thì thường gặp thầy để hỏi và nghe thầy giảng giải.

3.4.1.3. Phương pháp hỏi – đáp

Nếu xét về tần suất sử dụng thì phương pháp hỏi - đáp được Khổng Tử sử dụng nhiều nhất, hầu như toàn bộ sách *Luận ngữ* đã ghi lại sự đối đáp giữa thầy và trò Khổng Tử. Ông thường đặt ra câu hỏi hoặc nêu ra một vấn đề để học trò trả lời hoặc ngược lại, các môn đệ của ông nêu câu hỏi để được nghe ý kiến của thầy. Tuy có nhiều điểm tích cực nhưng hầu như vai trò của người thầy vẫn là chủ đạo trong quá trình dạy học, còn vai trò chủ động của học trò vẫn còn mờ nhạt.

3.4.1.4. Phương pháp đàm thoại gợi mở

Gắn với phương pháp hỏi – đáp, Khổng Tử thường gợi mở để dẫn dắt người học đến với chân lý. Thông thường trong khi dạy học trò, ông thường “chỉ gợi lên một mối rồi để người ta tự mình phải suy nghĩ ra mà hiểu lấy”. Khổng Tử luôn khuyến khích học trò phải biết suy nghĩ sâu sắc, tìm tòi cho sáng tỏ. Nếu học trò chưa khao khát muốn biết, chưa hồ thẹn vì không biết thì ông chưa dạy bảo. Cách dạy của ông không gò bó, mà cốt ở sự chỉ dẫn, gợi ý cho người học.

3.4.1.5. Phương pháp trao đổi, tranh luận

Nghiên cứu *Luận ngữ*, chúng ta bắt gặp khá nhiều trường hợp Khổng Tử và học trò của ông trao đổi, tranh luận với nhau. Ông thường nêu vấn đề để học trò trao đổi và tìm câu trả lời. Thậm chí các đệ tử tranh luận với nhau và với cả thầy, thậm chí thật kỹ để qua đó lĩnh hội nội dung cần trao đổi.

3.4.1.6. Phương pháp dẫn luận

Phương pháp này được sử dụng khá nhiều trong các bài giảng của Khổng Tử thông qua những câu nói ngắn gọn, súc tích được lưu truyền có ý nghĩa giáo dục. Ông thường trích dẫn cổ ngữ, dẫn luận *Kinh Thi*,

Kinh Lễ và những lời dạy của các bậc tiền nhân để giảng dạy cho học trò với những câu mở đầu: “Kinh Thi rằng:...” và những câu châm ngôn có từ thời trước, nhiều câu bắt đầu với “Tử viết: ...”.

3.4.1.7. Phương pháp dạy học thông qua tình huống có thật

Tình huống mà Khổng Tử dạy cho người học thường là có thật từ thực tế. Điều đó đã làm nên sự phong phú, tính xác thực và giá trị trong lời dạy của ông.

3.4.2. Về phương pháp học

3.4.2.1. Học phải kết hợp suy nghĩ

Khổng Tử luôn ông yêu cầu học trò phải biết suy nghĩ, cho một góc phải biết suy ra ba góc kia, chỉ có như vậy mới làm cho người học phát triển tư duy, học một biết mười.

3.4.2.2. Học đi đôi với hành

Khổng Tử chú ý dạy học trò phải gắn việc học với thực hành. Theo ông, nếu không đem được những điều học được mà thực hành trong cuộc sống thì việc học không có ý nghĩa gì. Thông qua thực hành, luyện tập, người học hình thành được thói quen, kinh nghiệm và đem lại sự hiểu biết sâu sắc hơn về những điều đã học được.

3.4.2.3. Học cái cũ để biết cái mới

Khổng Tử rất chú trọng đến tầm quan trọng của việc học và ôn tập. Theo ông thì ôn tập không phải chỉ để củng cố kiến thức mà là để biết thêm cái mới. Do vậy mà ông thường khuyên học trò phải “ôn cố nhi tri tân” tức là ôn lại cái cũ xưa để biết cái mới.

3.4.2.4. Học ở mọi người, mọi lúc, mọi nơi

Suốt cuộc đời học tập không biết mệt mỏi và lúc nào cũng sẵn sàng tâm thế học tập với mọi người, đó là đức tính nổi bật ở Khổng Tử. Ngay cả khi đi chu du các nước, đến đâu Khổng Tử cũng lấy những điều mắt thấy tai nghe với những sự kiện thực tế để giáo dục

học trò. Học trò của ông không chỉ học dưới hiên, trong nhà mà học bất kỳ ở đâu, nơi nào kể cả trên đường đi.

Kết luận chương 3

Mặc dù còn nhiều hạn chế do điều kiện lịch sử và lập trường giai cấp, nhưng trên thực tế, tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vẫn có không ít giá trị trong việc giáo dục con người. Những giá trị đó không chỉ dừng lại trong lĩnh vực tư tưởng giáo dục với một hệ thống từ mục đích, đối tượng đến nội dung, phương pháp giáo dục... mà còn thể hiện rõ trong thực tiễn dạy và học của Khổng Tử, đặc biệt là trong một số phương pháp giáo dục và nội dung thuộc lĩnh vực giáo dục đạo đức của ông.

Chương 4

TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC KHỔNG TỬ ĐỐI VỚI ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Những yêu cầu của đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

4.1.1. Về mục đích và đối tượng giáo dục

Mục đích của phát triển giáo dục và đào tạo là nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân, phải hướng đến sự phát triển của con người với tất cả phẩm chất, năng lực. Đối tượng của giáo dục là mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội... Nhà nước thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

4.1.2. Về chương trình giáo dục

Để đáp ứng với yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới đòi hỏi chương trình giáo dục mới của Việt Nam phải chuyển quá trình giáo dục từ chủ yếu chú trọng trang bị kiến thức nhằm mục đích nâng cao dân trí sang tập trung phát triển toàn diện năng lực công dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội trong giai đoạn mới.

4.1.3. Về nội dung giáo dục

Cần rà soát lại toàn bộ nội dung chương trình giáo dục, lược bỏ những nội dung không cần thiết, đưa những tri thức mới, hợp lý có lợi cho người học và cho xã hội. Vận dụng chọn lọc một số nội dung giáo dục tiên tiến trên thế giới, chú trọng giáo dục kỹ năng, hướng nghiệp và các nội dung về truyền thống văn hóa, đạo đức cho người học.

4.1.4. Về phương pháp giáo dục

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, trong môi trường học tập, người học phải được tiếp cận với cách dạy, cách học mới nhằm phát huy được tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn... Phải khắc phục cách dạy truyền thụ áp đặt một chiều, cách học thụ động, ghi nhớ máy móc, học vẹt, học tủ, học lệch...

4.2. Ý nghĩa của tư tưởng giáo dục Khổng Tử đối với đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay

4.2.1. Ý nghĩa rút ra từ mục đích giáo dục của Khổng Tử

Thứ nhất, mục đích của giáo dục là nhằm cải biến xã hội.

Do thời Xuân Thu loạn lạc, vô đạo nên Khổng Tử đã chủ trương bằng con đường giáo dục tác động đến con người để cải biến xã hội. Vì thế, ông đặc biệt quan tâm dạy đạo đức, đạo lý cho con người để xây dựng một xã hội có đạo, có trật tự, kỷ cương. Đây là bài học có ý nghĩa cho giáo dục ngày nay, không phải chỉ khi xã hội loạn lạc, trật tự lễ pháp đảo lộn mới quan tâm dạy đạo đức, dạy đạo làm người.

Thực tế cho thấy, trong giai đoạn hiện nay, sự tha hóa về đạo đức, lối sống của một bộ phận không ít người trong xã hội đang ngày càng trở nên bức xúc, đòi hỏi giáo dục phải chú ý bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống, truyền thống văn hóa... cho người học. Mục đích của

giáo dục là nhằm tác động đến con người để cải tạo xã hội, xây dựng xã hội phát triển.

Giáo dục là cơ sở để cải biến xã hội, là yếu tố tạo nên quốc thái, dân an và sự phát triển của một quốc gia. Từ quan điểm cải biến xã hội bằng con đường giáo dục của Khổng Tử đã giúp chúng ta nhận thức sâu sắc hơn sứ mệnh của giáo dục, mục đích của giáo dục đối với sự ổn định trật tự của xã hội, sự tồn vong, hưng thịnh của dân tộc. Điều này có không ít ý nghĩa đối với Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà đặc biệt là trong điều kiện phát kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

Thứ hai, mục đích giáo dục nhằm cải tạo nhân tính

Điều kiện quyết định sự phát triển của con người không phụ thuộc vào bản tính tự nhiên mà chủ yếu là do giáo dục. Khổng Tử cho rằng, xã hội vô đạo thời Xuân Thu là do con người vô đạo, cho nên, một trong những mục đích giáo dục của Khổng Tử là cải tạo nhân tính, sửa trị bản thân, hướng đến xây dựng con người toàn thiện. Điều này vẫn còn không ít ý nghĩa đối với giáo dục ở nước ta hiện nay, đặc biệt, khi sự tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đã làm băng hoại các giá trị đạo đức truyền thống, lối sống thực dụng xâm nhập vào nhiều mối quan hệ đạo đức xã hội... Để giữ cho bản tính con người khỏi bị tha hóa trước sự cám dỗ của tệ nạn xã hội và cải tạo bản tính người theo hướng chân - thiện - mỹ thì không thể không nói đến giáo dục.

Thứ ba, giáo dục hướng đến phát triển con người toàn diện

Khổng Tử đã luôn tập trung đào tạo những con người đóng vai trò trụ cột cho chế độ xã hội, đó là mẫu người quân tử tài đức vẹn toàn. Mặc dù hình thức và nội dung giáo dục của Khổng Tử so với giáo dục của ta ngày nay là khác nhau, nhưng mục đích giáo dục con người toàn diện trong tư tưởng của Khổng Tử ngày nay vẫn còn ý nghĩa nhất định.

Thứ tư, giáo dục con người có đạo, hành đạo để giúp đời

Một trong những mục đích giáo dục của Khổng Tử là học để hành đạo, đóng góp đó mới là thực chất của quá trình giáo dục. Khổng Tử chú trọng đào tạo mẫu người quân tử đạt đạo, để hành đạo, cứu đời. Đạt đạo mà không hành đạo thì cũng không giúp ích được gì cho đời. Có thể nói, xã hội nào cũng cần những người tài đức và biết vận dụng tài đức của mình để phục vụ cho xã hội. “Hành đạo” nghĩa là đem những hiểu biết về đạo mà thực hành ở đời, đem những gì học được mà ứng dụng vào đời sống, giúp ích cho đời. Đây là bài học có ý nghĩa quan trọng trong thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay

Thứ năm, mục đích giáo dục là để tham gia hoạt động chính trị - xã hội

Một trong những mục đích giáo dục cơ bản của Khổng Tử là đào tạo ra những người tham gia quản lý xã hội. Học để làm quan, học để làm chính trị đó là một trong những mục đích mà Khổng Tử hướng tới dạy cho học trò. Chính vì vậy mà các nước chịu ảnh hưởng của nền giáo dục Nho giáo như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam một thời gian dài trong lịch sử đều xác định giáo dục làm người và tiếp đến là để làm quan. Hiện nay, trong không gian giáo dục hiện đại, mục đích giáo dục được mở rộng và đầy tính nhân văn: học để biết, học để làm, học để tồn tại, học để cùng chung sống, học để làm người... Chúng ta cần phải khắc phục lối tư duy cũ: học để có bằng cấp, học để thăng quan tiến chức, học để làm quan với các vấn nạn mua bằng cấp, chạy theo chức quyền, sự bất bình đẳng trong giáo dục, sự thừa hành mệnh lệnh.v.v.. Ngày nay, những hệ lụy ấy vẫn còn và gây cản trở không ít đối với đổi mới giáo dục ở nước ta.

Thứ sáu, giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu chính trị

Khổng Tử đã coi giáo dục như là một phương tiện để thực hiện mục tiêu chính trị. Ngày nay, trên thực tế, giáo dục vẫn góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị. Giáo dục sẽ góp phần làm chuyển biến nhận

thức và tạo nên sự thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân, góp phần thực hiện mục tiêu chính trị.

4.2.2. Ý nghĩa rút ra từ đối tượng giáo dục của Khổng Tử

Do điều kiện lịch sử xã hội thời Xuân Thu chưa có điều kiện để giáo dục cho tất cả mọi người, cho nên dù chủ trương “hữu giáo vô loại” nhưng trên thực tế Khổng Tử chỉ hướng đến đối tượng là những người cầm quyền, những người cai trị. Ông chưa vượt lên được tầm nhìn của một người còn mang nặng tính đẳng cấp và bảo vệ việc duy trì tính đẳng cấp ấy. Tư tưởng của ông đã ảnh hưởng đến nền giáo dục phong kiến nước ta trong một thời gian dài.

Tính đẳng cấp trong tư tưởng và thực tiễn giáo dục của Khổng Tử đã chi phối đến nền giáo dục phong kiến Việt Nam và kéo theo những hệ lụy mà đến nay vẫn còn ảnh hưởng đến đổi mới giáo dục nước ta: tư tưởng phân biệt đối xử trong giáo dục; tổ chức xây dựng trường chuyên, lớp chọn, chính quy, tại chức, hiện tượng chạy trường, chạy lớp; học thêm, dạy thêm... những biểu hiện đó đã gây cản trở không ít đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục nước ta cần phải sớm khắc phục.

Từ hạn chế của Khổng Tử về việc phân biệt đối xử trong đối tượng giáo dục và thiếu quan tâm giáo dục đến đối tượng phụ nữ, ngày nay chúng ta có thể rút ra bài học thiết thực: nền giáo dục Việt Nam cần phải hướng tới giáo dục cho tất cả mọi đối tượng không phân biệt già trẻ, nam nữ, giàu nghèo... ai cũng phải được học hành, được giáo dục.

4.2.3. Ý nghĩa rút ra từ nội dung giáo dục của Khổng Tử

Một là, với chủ trương trị nước bằng “đức trị” nên Khổng Tử rất quan tâm giáo dục đạo đức cho học trò. Ngày nay, một số nội dung giáo dục về đạo đức trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vẫn còn nguyên giá trị và rất đáng được ghi nhận. Tuy nhiên, để hình thành phẩm chất và năng lực cho người học thì giáo dục đạo đức là cần thiết nhưng không nên quá xem trọng đạo đức mà xem nhẹ các lĩnh vực

giáo dục khác. Việc mất cân bằng giữa trí dục và đức dục sẽ hình thành nên những con người phát triển không cân đối. Chính vì vậy, nội dung giáo dục của ta hiện nay phải hướng đến hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất của người học phù hợp với yêu cầu của xã hội, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của xã hội. Nội dung chương trình giáo dục phải đảm bảo cả dạy chữ, dạy người.

Hai là, cần chọn lọc và tiếp biến để vận dụng một số nội dung giáo dục về đạo đức trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Phải dạy cho con người biết ứng xử, biết thực hiện các nghĩa vụ của mình đối với gia đình và xã hội theo những chuẩn mực đạo đức mới. Các chuẩn mực đạo đức của Khổng Tử cần phải được đánh giá lại, tiếp biến và vận dụng sao cho phù hợp với con người và bối cảnh xã hội mới.

Ba là, để giáo dục học trò trở thành con người toàn diện thì nội dung giáo dục của Khổng Tử vẫn còn nhiều hạn chế, nặng về đạo đức ứng xử, các vấn đề tự nhiên, khoa học kỹ thuật, lao động sản xuất... hầu như chưa được đưa vào giảng dạy. Hệ quả tất yếu của nội dung giáo dục ấy sẽ tạo nên những con người có tri thức thiên lệch. Đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay cần phải chú trọng đến nội dung chương trình, sách giáo khoa sao cho “bảo đảm tính thiết thực, giúp người học nâng cao khả năng lao động sản xuất, công tác và chất lượng cuộc sống”. Để giáo dục con người toàn diện thì nội dung giáo dục phải mang tính toàn diện.

Bốn là, trong quan niệm của Khổng Tử, để “trị quốc, bình thiên hạ” trước hết phải “tề gia”. Việc “đề cao yếu tố gia đình theo quan điểm của Khổng Tử và Nho giáo dẫn đến tình trạng “gia trưởng” trong gia đình; “nhà hóa” các cơ quan nhà nước, các đoàn thể xã hội hiện nay ở Việt Nam cần loại bỏ.

Năm là, nội dung giáo dục của Khổng Tử đã ảnh hưởng rất lớn đến nền giáo dục phong kiến nước ta. Tài liệu giáo dục thời kỳ này vẫn chủ yếu dựa vào các sách kinh điển của Nho giáo như *Tứ thư*, *Ngũ kinh*. Từ

vua cho tói các nho sĩ đều “lấy kinh hiền truyện của Nho giáo làm khuôn vàng thước ngọc cho mọi sự suy nghĩ và hành động của mình, lấy cái xã hội thời Nghiêu Thuấn làm khuôn mẫu cho mọi tình trạng xã hội; lấy những sự tích và điều phạm trong Kinh Thư, Kinh Xuân Thu làm tiêu chuẩn để bình giá mọi sự việc” [127, tr.437]. Điều đó đã gây nên bệnh giáo điều, khuôn sáo, thiếu thực tế, cản trở sự chủ động, sáng tạo của người học mà ngày nay vẫn còn ảnh hưởng không ít. Trong sự nghiệp đổi mới giáo dục ở nước ta, việc xây dựng chương trình giáo dục cần phải khắc phục những nội dung lạc hậu, kinh điển, thiếu thực tế. Nội dung giáo dục phải “đảm bảo tính cơ bản, toàn diện, thiết thực, hiện đại và có hệ thống...” [75, tr.33].

Sáu là, Khổng Tử rất coi trọng việc giáo dục truyền thống. Việc coi trọng lời dạy của người xưa là đúng, nhưng coi trọng đến mức mà con cháu không thể làm gì hơn ngoài việc ôn cho kỹ, học cho thuộc thì lại mang tính áp đặt và thiếu sáng tạo. Người học bị ràng buộc bởi những kiến thức cũ không dám thể hiện chính kiến của mình, hạn chế sự sáng tạo, không dám thay đổi... dẫn đến tình trạng ỷ lại, chỉ biết phục tùng mà không biết phản biện, phê phán. Đây chính là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục hiện nay. Giáo dục ngày nay cần phải kích thích sự ham mê sáng tạo, ham mê cái mới, coi trọng sự chủ động, tích cực của người học. Chúng ta phải biết tôn trọng quá khứ nhưng điều quan trọng là phải biết hướng tới tương lai, phải biết thay đổi cái cũ bằng cái mới tiến bộ hơn.

4.2.4. Ý nghĩa rút ra từ phương pháp giáo dục của Khổng Tử

4.2.4.1. Về phương pháp dạy

Khổng Tử đã đề cập đến hàng loạt phương pháp dạy và học không chỉ có giá trị sâu sắc đối với thời đại của ông mà còn có tác dụng gợi mở cho giáo dục ngày nay. Tuy nhiên, bên cạnh những phương pháp dạy học tiến bộ, Khổng Tử vẫn còn nặng về thuyết giảng, hầu như vai

trò của người thầy vẫn là chủ đạo trong quá trình dạy học, vai trò chủ động của học trò vẫn còn mờ nhạt. Giữa người dạy và người học là sự tác động trực tiếp, nên việc sử dụng các phương tiện dạy học, thực hành, thí nghiệm hầu như không có; chưa chú trọng đào tạo nghề; phương pháp giáo dục không gắn với thực tiễn sản xuất nên dẫn tới tình trạng kinh viện, bảo thủ, trì trệ. Cho nên, bài học cho đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay là cần phải “khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” [36, tr.129]; phải “phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành” [75.tr.34]; khắc phục quan niệm lệch lạc coi quyền uy của người thầy là tuyệt đối.

4.2.4.2. Về phương pháp học

Cách học mà Khổng Tử định hướng cho học trò ngày nay vẫn có thể vận dụng như: học phải suy nghĩ; học đi đôi với hành; học cũ để biết mới; học ở mọi nơi mọi lúc mọi người; học bằng cách hỏi; học phải kiên trì, vui học.v.v.. Tuy nhiên, một số phương pháp dạy học của ông vẫn còn hạn chế, chẳng hạn như “ôn cố nhi tri tân” với nguyên tắc “thuật nhi bất tác” thì không chừng sẽ dẫn đến lối học vẹt, thụ động, thiếu sáng tạo. Trong đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay, người học phải đóng vai trò trung tâm của quá trình dạy học, không chỉ dừng lại ở việc học đi đôi với hành mà còn phải biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn; không chỉ học phải suy nghĩ mà còn phải tư duy sáng tạo; không chỉ học ở mọi nơi mọi lúc, ôn cũ để biết mới, học bằng cách hỏi... mà còn phải biết trao đổi, cộng tác và chia sẻ, phải học để biết, học để làm, học để tồn tại và học để chung sống.

Kết luận chương 4

Đối với nước ta hiện nay, nhân tố quyết định cho sự phát triển bền vững của đất nước chính là chất lượng giáo dục và đào tạo. Giáo dục

và đào tạo phải đổi mới căn bản và toàn diện để thực hiện vai trò và nhiệm vụ to lớn của mình.

Ngày nay, việc tiếp tục nghiên cứu tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, chỉ ra những hạn chế, vạch ra những giá trị để tiếp thu, vận dụng và phát triển những giá trị đó là việc làm cần thiết. Việc phê phán tư tưởng giáo dục của Khổng Tử phải mang tính khách quan, phải có quan điểm lịch sử cụ thể trong cách nhìn nhận và đánh giá, như học giả Nguyễn Hiến Lê trong lời mở đầu cuốn “*Khổng Tử*” (2006) đã nhận định: “Triết thuyết nào cũng chỉ để giải cứu cái tệ một thời thôi. Muốn đánh giá một triết thuyết thì phải đặt nó vào thời của nó, xem nó có giải quyết được vấn đề của thời đó không, có là tiến bộ so với thời trước, là nguồn cảm hứng cho các đời sau không. Và sau mười thế hệ, người ta thấy nó vẫn còn làm cho đức trí con người được nâng lên thì phải coi đó là một cống hiến lớn cho nhân loại rồi”.

Từ việc xác định những yêu cầu của đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay, nghiên cứu và đánh giá lại tư tưởng giáo dục của Khổng Tử, chúng tôi nhận thấy tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vẫn còn không ít ý nghĩa đối với đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay. Mặc dù có những hạn chế nhất định nhưng nếu chúng ta biết gạt bỏ được những hạn chế gây cản trở sự phát triển giáo dục đồng thời thấy được những giá trị tích cực và khả năng vận dụng những giá trị ấy góp phần vào sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục ở nước ta hiện nay.

KẾT LUẬN

Tư tưởng giáo dục của Khổng Tử được hình thành trong điều kiện kinh tế - xã hội Trung Quốc vào thời Xuân Thu. Đó là giai đoạn lịch sử có nhiều biến động lớn xảy ra trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là những biến động, đảo lộn của đạo đức, luân lý và trật tự, kỷ cương xã hội.

Sống trong hoàn cảnh như vậy, vốn là người thông minh, học nhiều, hiểu rộng nên Khổng Tử sớm nhận thức được vai trò của giáo dục. Ông là người đầu tiên mở trường tư dạy học, mở rộng giáo dục đến với mọi tầng lớp trong xã hội. Tư tưởng giáo dục của ông tuy rời rạc nhưng có thể kết lại thành một hệ thống thống nhất từ mục đích, đối tượng đến nội dung và phương pháp giáo dục.

Với chủ trương “hữu giáo vô loại”, Khổng Tử mong muốn giáo dục cho mọi người có đạo để xây dựng một xã hội có đạo. Trong đó, ông đặc biệt chú trọng giáo dục để đào tạo nên lớp người quân tử có đức có tài để gánh vác trách nhiệm phục hưng xã hội, hướng đến xây dựng một xã hội thái bình, thịnh trị.

Khổng Tử quan niệm, xã hội loạn lạc, vô đạo là do con người không có đạo đức. Ông chủ trương trị nước bằng “nhân”, bằng “đức”, cho nên, đạo đức là nội dung giáo dục chủ yếu của Khổng Tử. Ngoài ra, ông còn dạy cho học trò nhiều lĩnh vực kiến thức khác như: lễ, nhạc, xạ, ngư, thư, số, đặc biệt là các lĩnh vực kiến thức về chính trị, về cách trị nước, an dân. Để truyền đạt nội dung giáo dục đến với học trò, Khổng Tử đã sử dụng nhiều cách thức dạy học khác nhau mà ngày nay gọi là phương pháp dạy học.

Thời gian càng lùi xa, chúng ta càng thấy rõ những giá trị và hạn chế trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Ngày nay, việc nghiên cứu tư tưởng giáo dục của ông không chỉ vì giá trị lịch sử của nó mà chủ yếu là vì giá trị thực tiễn, bởi nhiều nội dung và phương pháp giáo dục trong tư tưởng của ông vẫn còn giá trị đối với giáo dục hôm nay.

Đối chiếu với thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay, có thể thấy rất nhiều yếu tố trong hệ thống tư tưởng giáo dục của Khổng Tử vẫn còn giá trị cần kế thừa và vận dụng. Chúng ta có thể kế thừa chủ trương mở rộng giáo dục, bình dân hóa giáo dục của Khổng Tử để tiến tới xây dựng một xã hội học tập; tạo điều kiện cho mọi người dân có

ơ hội học tập và học tập suốt đời. Thông qua việc giáo hóa giúp con người biết tự sửa mình, biết tu dưỡng bản thân để xây dựng xã hội có trật tự, lễ nghĩa. Chúng ta cần tiếp biến những hạt nhân trong nội dung giáo dục về đạo lý làm người và một số phẩm chất đạo đức trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử góp phần vào việc giáo dục đạo đức con người mới ở nước ta. Đặc biệt, trong xu thế hội nhập và phát triển với sự tác động mạnh mẽ của kinh tế thị trường hiện nay, cùng với việc giáo dục tri thức thì việc giáo dục giá trị đạo đức, nhân cách, đạo lý làm người càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Bên cạnh những giá trị cần nghiên cứu để tiếp biến và vận dụng, chúng ta cần phải khắc phục những hạn chế mà thời đại đã in dấu ấn trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử. Đó là: sự phân chia hạng người trong quan niệm về đối tượng giáo dục; đào tạo đối tượng rường cột cho xã hội không phải là nhân dân lao động; tư tưởng “hoài cổ”, giáo dục con người theo khuôn mẫu có sẵn trong lịch sử, quá coi trọng quá khứ đến mức mong muốn xây dựng một xã hội trở về với quá khứ tức là đi ngược lại với quy luật và tiến trình phát triển của lịch sử; nội dung giáo dục thiếu lĩnh vực khoa học tự nhiên, thực tiễn lao động sản xuất; quá coi trọng “ôn cổ” với nguyên tắc “thuật nhi bất tác” trong phương pháp giáo dục.v.v.. Đây là những nội dung không còn phù hợp thậm chí gây cản trở đối với đổi mới giáo dục nước ta hiện nay.

Mặc dù có những hạn chế nhất định do điều kiện lịch sử và lập trường giai cấp nhưng nếu biết kế thừa một cách có chọn lọc, chúng ta có thể tiếp thu được những giá trị tích cực trong tư tưởng giáo dục của Khổng Tử góp phần đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay. Đến hiện đại từ truyền thống bằng việc kế thừa những tinh hoa trong tư tưởng giáo dục của dân tộc, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm giáo dục của nhân loại sẽ là căn cứ quý giá và có không ít ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay.